

Vietnam Daily Review

Ngõ ngàng, ngờ ngác và bất ngờ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/3/2022		•	
Tuần 14/3-18/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đây là VN-Index đã rơi hoàn toàn khỏi đường MA100, chơi vơi giữa khoảng không vô tận. Xu hướng giảm có mặt ở hầu hết tất cả các ngành, đặc biệt là nhóm cổ phiếu liên quan đến hàng hóa như Dầu khí, Than, Thép. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm. Cú sốc giảm điểm hôm nay có lẽ sẽ tác động mạnh đến tâm lý nhà đầu tư, trong những phiên tới nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng và cơ cấu lại danh mục. Dòng tiền đang có xu hướng ủng hộ đà giảm của thị trường; trong ngắn hạn, VN-Index có thể sẽ tiếp tục lùi về ngưỡng hỗ trợ 1440 trước khi xuất hiện dòng tiền bắt đáy. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng theo chiều hướng bán.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): FCN_Tích lũy

Điểm nhấn:

- VN-Index **-20.29** điểm, đóng cửa **1446.25** điểm. HNX-Index **-5.63** điểm, đóng cửa **436.57** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.95)**, **SHB (+0.57)**, **VCB (+0.49)**, **EIB (+0.39)**, **TPB (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-3.19)**, **HPG (-1.99)**, **MSN (-1.85)**, **GVR (-1.14)**, **BID (-0.70)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25.615** tỷ đồng, giảm **-4.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27.197 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 21.87 điểm. Thị trường có **114** mã tăng, 31 mã tham chiếu và **349** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-728.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-153.49 tỷ)**, **NVL (-149.62 tỷ)**, **DXG (-127.86 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **17.21** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1446.25**
Giá trị: 25615.2 tỷ **-20.29 (-1.38%)**
Khối ngoại (ròng): -728.26 tỷ

HNX-INDEX **436.57**
Giá trị: 3483.69 tỷ **-5.63 (-1.27%)**
Khối ngoại (ròng): 17.21 tỷ

UPCOM-INDEX **115.05**
Giá trị: 1969.53 tỷ **-0.32 (-0.28%)**
Khối ngoại(ròng): 5.36 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	105.7	-3.31%
Giá vàng	1,972	-0.85%
Tỷ giá USD/VND	22,885	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,074	0.48%
Tỷ giá JPY/VND	19,441	-0.32%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	14.63%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	53.9	MSN	-150.3
VCB	47.3	VND	-124.1
STB	40.8	DXG	-70.2
VNM	27.3	HPG	-45.4
VRE	21.3	NVL	-45.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
FCN_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng đi ngang

Nhận định: FCN có một phiên tăng điểm khá tốt trong bối cảnh thị trường giảm điểm. Thanh khoản cổ phiếu giao dịch quanh ngưỡng trung bình 20 phiên, FCN đang giao dịch quanh vùng tích lũy 23.9-26.4. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tương đối tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 tuy nhiên hiện vẫn ở dưới đường MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 24.5, chốt lãi tại ngưỡng 28.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 22.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

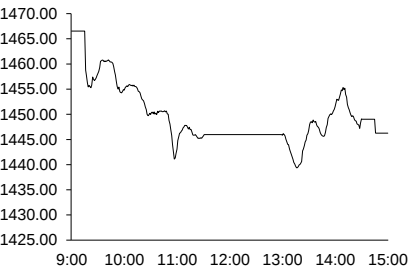
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	2.82%
Truyền thông	2.30%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.13%
Xây dựng và Vật liệu	-0.35%
Bất động sản	-0.87%
Y tế	-1.09%
Thực phẩm và đồ uống	-1.47%
Công nghệ Thông tin	-1.49%
Bán lẻ	-1.73%
Bảo hiểm	-1.97%
Tài nguyên Cơ bản	-2.30%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.38%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.38%
Dịch vụ tài chính	-2.97%
Ô tô và phụ tùng	-3.23%
Hóa chất	-4.09%
Dầu khí	-4.10%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.46%

Hình 1

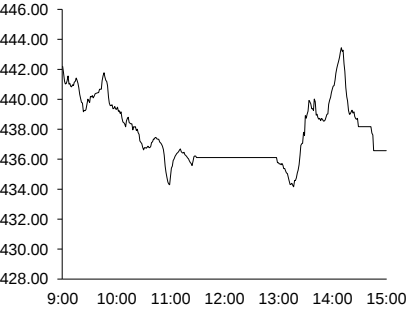
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.2	4	-4.14%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44.5	11	0.23%	Có thể tiếp tục mua
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	38	14	-0.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	22.7	18	-3.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	24.65	19	-0.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	19.1	24	-3.54%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.45	27	-2.73%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	45.8	34	0.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	74.4	54	-5.94%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

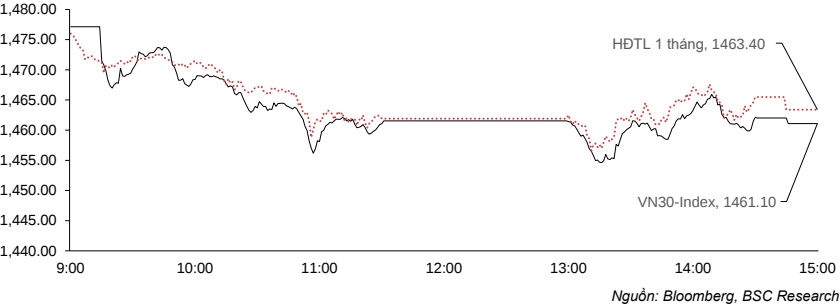
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	7	0.39%	-3.04%	-2.28%	25
Cổ phiếu đã chốt	238	184	7.72%	-7.29%	5.01%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1463.40	-0.85%	2.30	-0.6%	154,070	3/17/2022	5
VN30F2204	1463.00	-0.81%	1.90	305.1%	3,103	4/21/2022	40
VN30F2206	1458.30	-0.96%	-2.80	157.9%	196	6/16/2022	96
VN30F2209	1460.00	-0.97%	-1.10	227.5%	131	9/15/2022	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -16.04 điểm xuống 1461.10 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MSN, VPB, SSI, PNJ đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 đã mất vùng hỗ trợ 1480 và có thể điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ tiếp theo tại ngưỡng 1440 điểm.

• Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các HĐ đều tăng về cả KLGD và vị thế mở. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng short khá mạnh. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng theo chiều hướng bán.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2107	4/8/2022	25	2:1	369,800	30.31%	2,200	1,550	4.03%	1,043	1.49	42,520	30,000	31,650
CHPG2119	5/24/2022	71	2:1	44,100	33.51%	3,380	1,840	2.22%	332	5.53	54,200	53,000	45,800
CACB2201	9/20/2022	190	4:1	642,800	28.29%	1,500	1,120	0.00%	465	2.41	47,980	35,500	32,700
CKDH2107	4/27/2022	44	8:1	242,800	34.98%	1,300	1,170	-1.68%	864	1.35	48,448	43,888	50,200
CHPG2118	5/4/2022	51	5:1	83,200	33.51%	2,000	330	-2.94%	4	82.13	66,499	61,999	45,800
CKDH2201	10/5/2022	205	8:1	144,500	34.98%	1,500	920	-3.16%	264	3.48	80,978	61,618	50,200
CFPT2108	7/6/2022	114	6:1	100	22.29%	3,280	1,820	-4.21%	140	12.97	111,935	106,835	91,800
CHDB2201	9/21/2022	191	5:1	68,800	37.30%	1,500	950	-5.00%	351	2.70	34,749	30,999	27,100
CHPG2117	7/1/2022	109	5:1	518,100	33.51%	2,320	560	-5.08%	70	7.99	60,600	60,000	45,800
CMBB2109	5/4/2022	51	5:1	5,800	30.31%	1,100	680	-5.56%	207	3.28	70,289	32,789	31,650
CACB2103	5/24/2022	71	1:1	5,600	28.29%	3,700	1,250	-7.41%	403	3.10	39,440	37,000	32,700
CHPG2201	10/21/2022	221	10:1	1,904,800	33.51%	1,300	990	-7.48%	375	2.64	51,166	49,666	45,800
CHPG2203	9/20/2022	190	4:1	2,031,000	33.51%	2,200	1,700	-7.61%	676	2.51	54,980	51,500	45,800
CFPT2201	9/20/2022	190	8:1	38,900	22.29%	2,100	1,290	-7.86%	257	5.02	126,480	106,000	91,800
CHPG2202	9/21/2022	191	10:1	1,226,700	33.51%	1,100	760	-8.43%	210	3.61	67,688	53,888	45,800
CHDB2103	4/27/2022	44	8:1	63,500	37.30%	1,000	450	-10.00%	97	4.66	40,728	28,888	27,100
CHPG2116	7/6/2022	114	4:1	70,800	33.51%	2,830	890	-10.10%	74	12.00	64,890	61,410	45,800
CHPG2114	4/27/2022	44	10:1	1,417,500	33.51%	1,200	210	-22.22%	8	24.85	71,089	56,789	45,800
CFPT2109	4/8/2022	25	8:1	1,235,400	22.29%	1,900	380	-26.92%	96	3.97	100,000	96,000	91,800
CFPT2111	5/24/2022	71	5:1	245,100	22.29%	1,990	510	-33.77%	71	7.18	107,050	106,000	91,800

Tổng 9,989,500 31.47%**

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 14/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CACB2102 và CVRE2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 105.40% và 42.86%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 8.30%. CVRE2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.18% thị trường.

• CMWG2104, CVJC2103, CPNJ2201, và CTPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2114, CVRE2201, CVRE2110, và CMBB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.7	-1.0%	0.6	4,082	7.0	6,936	19.0	4.6	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	98.5	-5.7%	0.7	974	8.7	4,543	21.7	3.7	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	55.1	-3.3%	1.3	1,778	2.2	2,501	22.0	1.9	26.5%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.6	-0.2%	0.5	505	0.4	3,543	14.0	1.5	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	78.3	-0.9%	0.6	12,984	8.9	(759)	N/A	N/A	3.0	12.8%
VRE	Bất động sản	32.0	0.5%	1.1	3,161	7.2	578	55.3	2.4	29.9%	4.4%
VHM	Bất động sản	74.5	-0.7%	1.1	14,104	11.1	9,048	8.2	2.5	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	39.9	-1.7%	1.3	1,034	27.2	1,941		2.7	31.2%	15.5%
SSI	Chứng khoán	43.2	-4.0%	1.6	1,865	31.6	2,768	15.6	3.0	38.1%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.5	-5.6%	1.0	847	12.5	4,512	13.0	3.0	20.6%	27.1%
HCM	Chứng khoán	34.8	-3.9%	1.6	692	9.7	2,805	12.4	2.2	43.6%	19.5%
FPT	Công nghệ	91.8	-1.5%	1.0	3,622	7.7	4,792	19.2	4.6	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	71.5	-0.7%	0.4	1,021	0.0	4,304	16.6	5.0	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	106.0	-6.1%	1.2	8,821	6.5	4,381	24.2	4.0	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	55.9	-3.6%	1.5	3,088	9.5	2,337	23.9	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	34.8	-5.7%	1.7	723	28.1	1,260	27.6	1.4	9.0%	5.0%
BSR	Dầu khí	25.8	-6.5%	0.8	3,478	26.3	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	109.3	-2.3%	0.3	621	0.1	5,720	19.1	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	61.8	-6.9%	0.9	1,051	29.8	7,914	7.8	2.3	9.2%	33.5%
DCM	Hóa chất	43.3	-7.0%	0.7	996	30.2	3,313	13.1	3.0	6.6%	25.3%
VCB	Ngân hàng	84.2	0.5%	1.0	17,325	5.2	5,005	16.8	3.6	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	41.3	-1.3%	1.2	9,083	2.4	2,090	19.8	2.5	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	31.9	-1.1%	1.5	6,665	7.0	2,940	10.9	1.6	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.0	-1.1%	1.2	6,958	22.2	2,667	13.5	2.0	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	31.7	0.6%	1.2	5,199	22.0	3,362	9.4	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.7	0.0%	1.1	3,841	3.9	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.0	-1.3%	0.6	210	0.2	2,618	22.5	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	59.4	-1.2%	0.4	304	0.3	3,951	15.0	2.6	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	30.7	-5.0%	1.1	1,467	2.5	39	787.2	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.8	-3.8%	1.2	8,907	69.0	7,708	5.9	2.3	22.5%	46.1%
HSG	Thép	38.0	-4.2%	1.4	815	22.6	8,581	4.4	1.7	7.2%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	77.2	-1.0%	0.6	7,015	5.6	4,518	17.1	4.9	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	154.0	0.0%	0.8	4,294	1.0	5,663	27.2	4.7	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	136.1	-4.5%	1.0	6,986	9.9	7,257	18.8	4.9	28.8%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.0	-3.0%	1.3	629	7.2	1,135	20.3	1.7	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	89.5	-2.1%	0.8	8,471	0.3	577	155.1	5.2	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	145.0	4.7%	1.1	3,415	8.8	2,271		4.6	16.6%	7.7%
HVN	Vận tải	26.2	1.4%	1.7	2,518	5.8	(6,523)		24.2	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	51.9	-6.8%	1.0	680	14.2	1,846	28.1	2.5	43.8%	9.1%
PVT	Vận tải	24.7	-6.3%	1.3	347	10.1	2,066	11.9	1.5	10.2%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	108.0	-1.3%	0.7	751	1.0	10,538	10.2	3.5	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	49.5	-3.0%	0.3	964	1.8	2,729	18.1	3.1	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.4	0.6%	1.0	405	4.4	969	25.2	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	86.1	1.3%	1.0	276	1.3	310	277.3	0.8	46.2%	0.3%
CII	Xây dựng	29.0	-2.5%	1.0	306	8.9	(1,434)	N/A	N/A	1.4	10.4%
REE	Điện	72.9	1.0%	-1.4	980	1.3	6,002	12.1	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	45.4	2.5%	-0.4	464	10.9	2,997	15.1	2.3	5.3%	15.9%
POW	Điện	15.7	-3.1%	0.6	1,593	11.6	759	20.6	1.2	2.3%	6.1%
NT2	Điện	22.5	-0.2%	0.6	282	0.4	1,778	12.7	1.5	13.8%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	50.7	-2.1%	1.2	1,256	18.4	1,593	31.8	2.1	18.0%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	70.7	-2%	1.0	3,182	1.3			4.7	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	145.00	4.69	0.90	1.43MLN
SHB	21.85	3.80	0.55	21.65MLN
VCB	84.20	0.48	0.49	1.44MLN
EIB	36.60	3.39	0.38	1.12MLN
TPB	39.20	1.42	0.22	2.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-3.39	1.39MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-2.07	33.85MLN	607060
MSN	0.00	-1.94	1.65MLN	373600
GVR	0.00	-1.18	2.34MLN	192700
PLX	0.00	-0.70	3.86MLN	611640

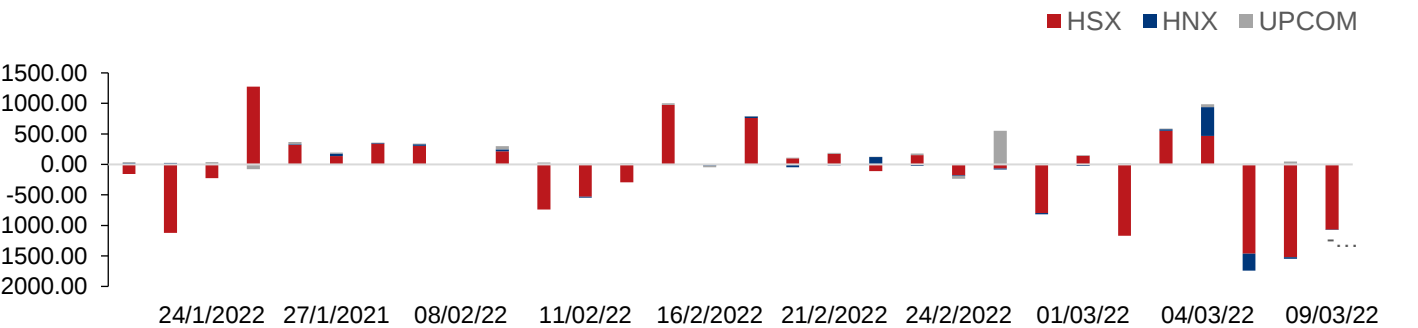
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUB	33.70	6.98	0.01	476600.00
GTA	19.95	6.97	0.00	133900
TMT	20.10	6.91	0.01	235900
SVI	71.60	6.87	0.02	500
KHG	20.30	6.84	0.11	4.42MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMC	27.90	-7.00	-0.01	276300
CSV	55.80	-7.00	-0.05	1.62MLN
PDN	102.30	-7.00	-0.04	1100.00
DCM	43.25	-6.99	-0.44	15.38MLN
SFG	20.75	-6.95	-0.02	110700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	41.5	1,006	41.3	2.3	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.7	1,968	19.7	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.8	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	67.1	362	185.4	5.8	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	86.1	310	277.3	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.4	7,200	10.3	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	43.3	3,313	13.1	3.0	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	180.0	13,122	13.7	5.1	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	80.0	5,715	14.0	3.7	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.6	2,448	13.3	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	39.9	1,941	20.6	2.7	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.7	949	27.0	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.3	1,454	11.2	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	91.8	4,792	19.2	4.6	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	32.5	3,134	10.4	2.3	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.8	7,708	5.9	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.0	8,581	4.4	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	40.3	157	257.1	3.7	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.4	1,520	11.4	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.4	1,520	11.4	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.2	689	23.5	1.2	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	50.2	1,833	27.4	3.2	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	48.8	5,898	8.3	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.8	8,820	9.0	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	131.7	6,936	19.0	4.6	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	46.7	10,793	4.3	1.8	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	53.6	3,055	17.5	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.5	1,778	12.7	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	45.4	2,997	15.1	2.3	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.5	4,543	21.7	3.7	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.5	4,543	21.7	3.7	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	15.7	759	20.6	1.2	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.6	3,543	14.0	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.8	1,260	27.6	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	34.8	1,064	32.7	3.6	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	40.3	14,369	2.8	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	68.4	3,013	22.7	4.7	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.0	2,375	10.5	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	24.3	570	42.6	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	80.6	6,052	13.3	2.5	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	77.2	4,518	17.1	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.0	578	55.3	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.5	3499.1	12.7	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.4	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639